

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TẠI HOA KỲ VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT

Phạm Thanh Huyền¹,
Nguyễn Thị Bích Ngọc²,
Lê Huy Tùng^{1,+}

¹Viện Sư phạm kỹ thuật - Trường Đại học Bách khoa Hà Nội;
²Phòng Quản lý chất lượng - Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
+ Tác giả liên hệ • Email: tung.lehuy@hust.edu.vn

Article history

Received: 25/02/2022

Accepted: 12/4/2022

Published: 20/5/2022

Keywords

Education quality,
accreditation, higher
education, higher education
institution, model, United
States

ABSTRACT

Higher education accreditation in the United States was established in the early years of the twentieth century, then many countries learned from its experience. Therefore, the study of an accrediting model is attractive in order to develop an accreditation model for higher education in Vietnam, due to its scientific significance and practicality. This study analyzes the formation and development of the United States higher education accrediting system, especially the determination of a stable and sustainable higher education accrediting model that determine the quality of higher education in United States, thereby drawing experiences for building an accreditation model for higher education in Vietnam. Accreditation is an inevitable trend within the larger trend of university autonomy in Vietnam, in which the choice of using the accreditation model determines the effectiveness of accreditation.

1. Mở đầu

Kiểm định chất lượng (KDCL) (Accreditation) được hình thành và phát triển bắt đầu tại Hoa Kỳ vào đầu thế kỷ XX và được coi như một phần quan trọng trong quá trình phát triển của hệ thống giáo dục đại học ở Hoa Kỳ. Từ đó đến nay, hệ thống KDCL giáo dục đại học tại Hoa Kỳ đã góp phần vào việc đảm bảo chất lượng giáo dục đại học của nước này, các cơ sở giáo dục (CSGD) đại học ở Hoa Kỳ luôn được xếp hàng đầu thế giới (Eaton, 2015).

Ngày nay, KDCL giáo dục đại học được tiến hành rộng rãi, có tới hàng ngàn trường đại học ở Hoa Kỳ đã được KDCL. Mặc dù ở Hoa Kỳ có nhiều tổ chức KDCL giáo dục khác nhau và có sự khác biệt nhất định trong quá trình đánh giá nhưng đa số đều tuân theo một mô hình chung. Quy trình KDCL bao gồm việc tự đánh giá CSGD đại học/chương trình đào tạo (sản phẩm cuối cùng là Báo cáo tự đánh giá) sau đó là đánh giá ngoài (sản phẩm cuối cùng là Báo cáo đánh giá ngoài) (Nguyen et al., 2021). Đoàn đánh giá thường là những nhà giáo dục, quản lý giáo dục đến CSGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá cấp trường và cấp chương trình đào tạo. Hệ thống giáo dục đại học các nước trên thế giới cũng đã xác định KDCL là một yếu tố cần thiết để nâng cao chất lượng và đồng ý với sự gia tăng quy mô, độ phức tạp và đa dạng của lĩnh vực giáo dục đại học. Để phù hợp với hội nhập quốc tế của giáo dục đại học, Tổ chức Văn hóa và Khoa học Giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO) và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đã khuyến khích các chính phủ và các bên liên quan phải chịu trách nhiệm về các hoạt động KDCL.

Trong hoạt động KDCL giáo dục, việc lựa chọn mô hình kiểm định đóng vai trò quan trọng định hướng xuyên suốt các hoạt động này của một quốc gia. Trên thế giới hiện nay có hai mô hình KDCL giáo dục cơ bản đó là: mô hình với chức năng kiểm định giáo dục được thực hiện bởi một tổ chức chính phủ (tiêu biểu là Úc) và mô hình với chức năng KDCL giáo dục được thực hiện bởi các tổ chức độc lập (tiêu biểu là Hoa Kỳ) (Di Nauta et al., 2004; Lê Huy Tùng, 2020). Hệ thống KDCL giáo dục đại học Việt Nam được chính thức hình thành khi thành lập Cục Khảo thí và KDCL thuộc Bộ GD-ĐT từ năm 2003. Đến năm 2005, Việt Nam bắt đầu đưa khái niệm định nghĩa vào Luật Giáo dục, năm 2007 ban hành các quy định chính thức về KDCL giáo dục, do đó hoạt động KDCL giáo dục đại học vẫn đang trong giai đoạn nghiên cứu, áp dụng các mô hình phù hợp. Với việc thành lập các tổ chức kiểm định độc lập hiện nay cho thấy mô hình KDCL giáo dục đại học đang có xu hướng nghiêng về tham khảo mô hình KDCL giáo dục đại học tại Hoa Kỳ. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra hiện nay nếu lựa chọn mô hình này là cần phải làm rõ một số thách thức như tính độc lập của các tổ chức kiểm định, nguồn nhân lực, tiêu chuẩn và tiêu chí kiểm định.

Bài báo phân tích quá trình hình thành và phát triển của hệ thống KDCL giáo dục đại học tại Hoa Kỳ, đặc biệt là việc xác định mô hình KDCL giáo dục đại học mang tính chất ổn định bền vững đã quyết định đến chất lượng giáo dục đại học tại Hoa Kỳ, từ đó rút ra những kinh nghiệm khi xây dựng mô hình KDCL giáo dục đại học tại Việt Nam.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Kiểm định chất lượng giáo dục đại học tại Hoa Kỳ

2.1.1. Lịch sử hình thành

Vụ Khảo cứu Quốc hội Hoa Kỳ đã ghi chép lịch sử hình thành KĐCL ra đời vào thời điểm mà vấn đề giáo dục đại học ở Hoa Kỳ đang gặp khó khăn, nhu cầu đòi hỏi của xã hội và của bản thân các CSGD, các trường đại học không thể kiểm soát được chất lượng. Các CSGD đại học ở Hoa Kỳ lúc đó loay hoay tập trung xây dựng về nội dung của các chương trình đào tạo, tuy nhiên không có sự thống nhất chung giữa các CSGD đại học (Hegji, 2020).

Từ thế kỉ XIX đến XX, các tổ chức KĐCL được thành lập theo vùng và hoạt động độc lập, xuất phát điểm từ Hiệp hội các trường đại học và cao đẳng của một số vùng ở Hoa Kỳ. Đáp ứng với nhu cầu tăng nhanh, các tổ chức/cơ quan KĐCL đưa ra chu kì KĐCL, nghĩa là kết quả KĐCL chỉ có giá trị trong một thời gian nhất định và cần được gia hạn bằng việc tiến hành kiểm định theo một chu kì mới. Trên cơ sở đó, CSGD đại học được tái công nhận hoặc không công nhận đạt chuẩn KĐCL giáo dục nếu như nó không còn đáp ứng đủ các điều kiện. Yêu cầu mới này cho phép những cơ quan kiểm định có được cái nhìn toàn diện hơn về các CSGD mới cũng như là các CSGD có thể có những thay đổi lớn vượt thời gian. Năm 1957, sau vài năm thảo luận, Hiệp hội miền Bắc (NCA) là cơ quan kiểm định khu vực đầu tiên chấp nhận yêu cầu mỗi trường thành viên phải được cơ quan kiểm định đánh giá lại ít nhất 10 năm một lần. Những Hiệp hội/tổ chức/cơ quan KĐCL khu vực khác cũng lần lượt đưa ra quy định chu kì kiểm định khoảng từ 5-10 năm.

Từ những phân tích về quá trình phát triển của KĐCL ở Hoa Kỳ, có thể thấy những tác động chung của KĐCL và của riêng tự đánh giá tới các hoạt động trong trường đại học ở nước này. Tác động lớn nhất có thể thấy là sang chu kì KĐCL lần thứ 2, tất cả các CSGD đại học đều phải rà soát lại theo báo cáo tự đánh giá trong chu kì lần thứ 1, xem CSGD đã làm những gì để khắc phục hoặc giải quyết những tồn tại đã được nêu trong chu kì kiểm định trước đó. Nếu chưa thực hiện việc khắc phục các tồn tại theo kế hoạch trong báo cáo lần 1, CSGD phải tập trung nguồn lực để giải quyết dứt điểm các tồn tại. Đồng thời, theo yêu cầu của tiêu chuẩn KĐCL, tất cả các CSGD đại học đều cần rà soát và cập nhật các chương trình đào tạo của trường theo nhu cầu của xã hội và nhu cầu của người học.

Thông thường, KĐCL là đánh giá năng lực của CSGD đại học liệu nó có đạt được tiêu chuẩn chất lượng hay không (Murray, 2000). Để thực hiện tự đánh giá, các CSGD đại học phải huy động mọi nguồn lực một cách phù hợp; đối với đa số các CSGD đại học, điều này cũng có nghĩa là họ phải triển khai một chương trình nghiên cứu bên trong và thu thập thông tin một cách tích cực. Đồng thời, các CSGD đại học phải trình bày những thay đổi của mình kể từ lần KĐCL trước; yêu cầu này đặt ra áp lực là phải giải quyết toàn bộ những vấn đề tồn tại trước đó và đương nhiên CSGD cũng phải chỉ ra rằng những chương trình của trường được cập nhật nhất. Những yêu cầu mới này đã làm tăng vai trò đảm bảo chất lượng của các cơ quan KĐCL, nhưng đồng thời cũng làm tăng những áp lực đối với việc đổi mới và phát triển. Các tổ chức/cơ quan KĐCL tổ chức xuất bản các sách về KĐCL bao gồm những hướng dẫn, những lời khuyên, những gợi ý và những dạng thức cho các báo cáo tự đánh giá khác nhau; và với những công bố của các cơ quan KĐCL về những tiêu chuẩn và yêu cầu đối với việc tự đánh giá và yêu cầu về việc tiếp đón đoàn đánh giá ngoài.

Hầu hết các tổ chức/cơ quan KĐCL đều cố gắng giúp đỡ các CSGD bằng cách tổ chức các hội thảo để mô tả một quy trình tự đánh giá lí tưởng và cho phép các thành viên tham dự đưa ra những câu hỏi và trao đổi thông tin với nhau về việc thực hiện tự đánh giá của chính họ. Đối với rất nhiều cơ quan KĐCL, việc đào tạo tự đánh giá là hạn chế, chủ yếu là đưa ra định hướng và thảo luận về kĩ năng thực hành. Một số Hiệp hội/tổ chức/cơ quan KĐCL tổ chức đào tạo các đánh giá viên của mình một cách hệ thống hơn với những giáo trình chi tiết, những bài tập đóng vai hay việc thực hành với những kĩ thuật đánh giá tốt. Một điểm mạnh quan trọng của KĐCL ở Hoa Kỳ đó là sự tập trung vào những yếu tố đảm bảo cho quá trình KĐCL mang tính khách quan cao. Việc thực hiện những quy trình như vậy đương nhiên rất quan trọng vì nó giúp cho mỗi trường hay mỗi chương trình đào tạo được đánh giá có được lòng tin rằng trường được đối xử công bằng, từ đó trường sẽ góp phần vào việc đảm bảo tính trung thực trong toàn bộ quá trình đánh giá.

Về cơ bản, KĐCL vừa là quá trình vừa là điều kiện; quá trình này bao gồm việc đánh giá chất lượng giáo dục và tiếp tục nâng cao hoạt động giáo dục thông qua việc xây dựng và xác nhận các tiêu chuẩn. Điều kiện đảm bảo chất lượng được duy trì cho thấy rằng một CSGD và các chương trình đào tạo đã được công nhận chất lượng và đang thực hiện cam kết về chất lượng giáo dục (Satyanarayana & Srivastava, 2009). Kết quả của quá trình này thường là việc trao trạng thái (quyết định có/không), công nhận và đôi khi là giấy phép hoạt động có thời hạn (Sinha & Subramanian, 2013).

2.1.2. Lợi ích của kiểm định chất lượng giáo dục đại học tại Hoa Kỳ

Sự ra đời và phát triển của KĐCL giáo dục đại học tại Hoa Kỳ đã mang lại nhiều lợi ích cho giáo dục đại học tại Hoa Kỳ (Eaton, 2015; Pham, 2021). Tuy nhiên, có thể tóm tắt một số lợi ích sau đây: (1) Cung cấp sự công nhận chính thức của các đồng nghiệp, cả trong nội bộ các CSGD và trên toàn quốc; (2) Khuyến khích lập kế hoạch, xác định các khu vực cần thay đổi và cung cấp thông tin quan trọng cho hỗ trợ các quyết định về nguồn lực; (3) Có ảnh hưởng rất lớn trong việc tuyển dụng các giảng viên và sinh viên xuất sắc; (4) Góp phần đảm bảo sinh viên tốt nghiệp các chương trình đã được kiểm định có sự chuẩn bị tốt đáp ứng các tiêu chuẩn và chất lượng được chấp nhận trên toàn quốc; (5) Nâng cao uy tín của CSGD cũng như hệ thống giáo dục; (6) Giúp định vị các chương trình để thích ứng với những thay đổi trong thế giới học thuật đang được tái cấu trúc; (7) Quá trình khảo sát CSGD tạo cơ hội giúp giảng viên và nhân viên, lãnh đạo CSGD hiểu rõ hơn về CSGD hoặc chương trình đào tạo; (8) Giúp tiếp cận các nguồn quỹ liên bang; (9) Thúc đẩy việc cải tiến chất lượng ở các CSGD; (10) Mang lại lợi thế cạnh tranh cho CSGD và chương trình đào tạo.

2.1.3. Mô hình kiểm định chất lượng giáo dục đại học tại Hoa Kỳ

KĐCL giáo dục đại học tại Hoa Kỳ có uy tín trên thế giới với các tổ chức kiểm định độc lập. Hoa Kỳ có hai cơ quan hợp pháp công nhận KĐCL giáo dục là Bộ Giáo dục Hoa Kỳ (USDE - U.S. Department of Education) thuộc cơ quan nhà nước và Hội đồng kiểm định giáo dục Đại học Hoa Kỳ (CHEA- Council for Higher Education Accreditation), cơ quan độc lập được các trường và các tổ chức kiểm định thừa nhận (Hegji, 2020). Tuy vậy, 2 cơ quan này không trực tiếp kiểm định các trường mà thông qua các tổ chức kiểm định. Các tổ chức này được USDE, CHEA hoặc cả hai cơ quan này đồng công nhận. Cấp tiêu bang không ủy quyền hay cấp phép cho các tổ chức kiểm định.

Bộ Giáo dục Hoa Kỳ (USDE) không trực tiếp kiểm định CSGD mà sẽ ủy quyền cho các tổ chức kiểm định đã được họ phê duyệt. Tiêu chuẩn của các tổ chức này được hình thành dựa trên tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục Hoa Kỳ. Tuy nhiên, Bộ Giáo dục Hoa Kỳ giới hạn số lượng duyệt cho các tổ chức ra đời để tránh tình trạng các tổ chức thành lập hưởng lợi chương trình hỗ trợ tài chính của chính phủ. Tổ chức kiểm định được Bộ Giáo dục Hoa Kỳ công nhận chia làm 03 loại chính là tổ chức kiểm định cấp khu vực (Regional accreditation), tổ chức kiểm định cấp quốc gia (National accreditation) và kiểm định Chuyên ngành (Specialized accreditation). Trong đó, kiểm định cấp khu vực được xem là tiêu chuẩn kiểm định cao nhất và có giá trị nhất.

Hội đồng kiểm định giáo dục Đại học Hoa Kỳ (CHEA) là một tổ chức tư nhân giữ vai trò công nhận cho các tổ chức KĐCL giáo dục. Tiêu chuẩn kiểm định do họ tự đặt ra mà không bị quản chế bởi bất cứ tổ chức nào. Vì thế, họ có các tổ chức kiểm định riêng cho một chuyên ngành cụ thể như Kỹ thuật, Y khoa... (Harland, 2001). Theo Vụ Khảo cứu Quốc hội Hoa Kỳ (Hegji, 2020), hệ thống KĐCL giáo dục Hoa Kỳ gồm 7 tổ chức KĐCL giáo dục vùng phục vụ hơn 7.000 trường, trong đó có hơn 4.000 trường đại học; 11 tổ chức kiểm định cấp quốc gia, 49 tổ chức KĐCL chuyên ngành và 7 tổ chức được CHEA công nhận như New England Association of Schools and Colleges, Commission on Institutions of Higher Education (NEASC) (1885), Trung Mỹ - Association of Colleges and Schools, Commission on Higher Education (1887), Nam Mỹ - Association of Colleges and Schools, Commission on Colleges (1895), Trung Bắc Mỹ - Association of Colleges and Schools, Higher Learning Commission (1895), Tây Bắc Mỹ - Commission on Colleges and Universities (1917), Miền Tây - Association of Colleges and Schools Accrediting Commission for Community and Junior Colleges (1924) và năm 1924 là Miền Tây - Association of Colleges and Schools Accrediting Commission for Senior Colleges and Universities (CHEA, 2017). Các tổ chức này có điểm chung là đều thực hiện KĐCL theo bộ tiêu chuẩn, đánh giá đồng cấp, khảo sát thực địa, phán quyết của Hội đồng, sự công nhận của Chính phủ liên bang; nhưng mỗi tổ chức có những đặc trưng, hình thức đánh giá và độ dài chu kỳ kiểm định khác nhau. Mục đích đầu tiên của những Hiệp hội này là tạo lập mối quan hệ chặt chẽ giữa các lãnh đạo ở các CSGD đại học, cao đẳng và các trường phổ thông. Sau đó, do nhu cầu và bối cảnh giữa các trường là khác nhau nên cần đưa ra các tiêu chuẩn khác nhau và tiến tới việc xây dựng các tiêu chuẩn KĐCL giữa các trường đại học và cao đẳng.

Việc KĐCL giáo dục được tiến hành rộng rãi trong giáo dục đại học ở Hoa Kỳ. Mặc dù có nhiều tổ chức KĐCL khác nhau và có sự khác biệt nhất định trong quá trình đánh giá, nhưng đa số đều tuân theo một mô hình chung. Đến nay, cả USDE và CHEA đều có cơ sở dữ liệu về các trường sau bậc trung học được kiểm định, có những trường được cả hai cơ quan này công nhận.

Quy trình KĐCL bao gồm việc tự đánh giá ở trường đại học/ chương trình đào tạo, thu thập thông tin và chuẩn bị viết báo cáo tự đánh giá và đánh giá ngoài. Đoàn đánh giá thường là những nhà giáo dục, quản lý giáo dục đến CSGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá cấp trường và cấp chương trình đào tạo.

Ở Hoa Kỳ, kiểm định giáo dục là hoạt động tự nguyện của mỗi trường cao đẳng, đại học, chương trình giáo dục, không bắt buộc hay phải chịu trách nhiệm bởi cơ quan chính phủ. Mỗi tiểu bang trong số 51 tiểu bang đều có tổ chức kiểm định với bộ tiêu chuẩn đánh giá, cũng như hệ thống quản lý cấp phép riêng dành cho các trường đại học công lập và tư thục. Một trường đại học được cấp giấy phép hoạt động trong một tiểu bang nào đó không có nghĩa là đã được KĐCL giáo dục vì những tổ chức này chưa được Bộ Giáo dục Hoa Kỳ công nhận.

Như vậy, KĐCL giáo dục ở Hoa Kỳ là công cụ hữu hiệu để đảm bảo chất lượng với mục đích sau đây: (1) Đánh giá chất lượng của các chương trình dạy học tại các tổ chức giáo dục đại học; (2) Tạo ra văn hóa cải tiến liên tục chất lượng học tập tại các trường cao đẳng và đại học, kích thích nâng cao tiêu chuẩn chung giữa các tổ chức giáo dục; (3) Liên quan đến đội ngũ giảng viên và nhân viên trong việc đánh giá và lập kế hoạch thể chế; (4) Thiết lập các tiêu chí để chứng nhận và cấp phép tính chuyên nghiệp và đề nâng cấp các khóa học được cung cấp.

Có thể hiểu, với mục đích KĐCL rõ ràng như vậy đã tạo ra văn hóa cải tiến liên tục chất lượng học tập, kích thích nâng cao tiêu chuẩn chung giữa các CSGD.

Vai trò của kiểm định trong giáo dục đại học nhằm giúp đảm bảo mức độ chất lượng chấp nhận được ở cấp chương trình đào tạo và cấp trường. Bộ Giáo dục Hoa Kỳ đã mô tả thực tiễn kiểm định là một phương tiện tiến hành đánh giá phi chính phủ, để đánh giá các tổ chức và chương trình đào tạo. Theo NCATE (2006), CSGD đại học hoặc chương trình đào tạo được công nhận sẽ khuyến khích cải tiến liên tục và hợp tác giữa các trường đại học và các nhà giáo dục, người học và gia đình. Các chương trình đào tạo và CSGD đại học được kiểm định đã tạo uy tín, thu hút lòng tin của các bên liên quan. KĐCL là căn cứ quan trọng đối với người sử dụng lao động khi đánh giá, xem xét, quyết định tuyển dụng lao động. Đối với người học, sẽ được công nhận các tín chỉ học tập đã tích lũy khi chuyển cơ sở đào tạo hoặc học các chương trình đào tạo liên thông nếu các chương trình đào tạo đã được KĐCL. Tại Hoa Kỳ, kiểm định cũng là điều kiện để là cần thiết để nhận được các quỹ liên bang như tài trợ SV và các chương trình liên bang khác. Quỹ hỗ trợ sinh viên liên bang chỉ dành cho sinh viên, nếu CSGD hoặc chương trình đào tạo họ đang theo học được công nhận bởi một tổ chức kiểm định. Thêm vào đó, trách nhiệm giải trình hiện đang tập trung trên hết vào việc bảo vệ và phục vụ quyền lợi của sinh viên.

2.2. Một số kinh nghiệm và đề xuất

Qua phân tích mô hình KĐCL giáo dục của Hoa Kỳ, chúng tôi rút ra một số kinh nghiệm khi xây dựng mô hình KĐCL như sau:

Một là, cần xây dựng cơ chế chính sách về KĐCL; văn bản quy phạm pháp luật, thanh tra, kiểm tra, thành lập các tổ chức kiểm định; cấp thẻ kiểm định viên và xây dựng cơ sở dữ liệu liên quan đến KĐCL giáo dục.

Hai là, cần hình thành cơ quan đảm bảo chất lượng quốc gia và các tổ chức kiểm định độc lập. Các đơn vị này sẽ thực hiện nhiệm vụ của mình hiệu quả hơn nếu chúng được đặt bên ngoài Bộ GD-ĐT. Cơ quan bảo đảm chất lượng quốc gia nên trực thuộc Chính phủ. Nói cách khác, cơ quan đảm bảo chất lượng độc lập cần được thành lập ở cấp chính phủ. Các tổ chức kiểm định phải hoàn toàn độc lập với các CSGD đại học.

Ba là, cần có chính sách riêng cho việc phát triển đội ngũ kiểm định viên. Nguồn nhân lực là thành phần quan trọng của bất kỳ hệ thống kiểm định nào và việc đảm bảo chất lượng hiệu quả phụ thuộc phần lớn vào đội ngũ cán bộ chuyên môn có năng lực trong cơ quan đảm bảo chất lượng quốc gia, các tổ chức KĐCL và sự sẵn sàng tham gia vào công tác bảo đảm chất lượng của các giảng viên và cán bộ quản lý ở các CSGD.

Bốn là, cần có quy hoạch phát triển các tổ chức kiểm định chuyên sâu về các ngành/nhóm ngành đi kèm với chính sách phát triển đội ngũ kiểm định viên tương ứng cho các ngành/nhóm ngành tương ứng.

Năm là, cần làm rõ và đảm bảo tính độc lập của các tổ chức KĐCL giáo dục. Các tổ chức kiểm định phải thực sự là những tổ chức độc lập tuyệt đối cả về chuyên môn lẫn cơ cấu tổ chức.

Sáu là, cần có bộ tiêu chuẩn kiểm định riêng phù hợp với lĩnh vực/ngành đào tạo.

3. Kết luận

Các CSGD đại học là nơi cung cấp nguồn lao động chất lượng cao cho công nghiệp và xã hội, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự phát triển. Chất lượng đào tạo đã và đang được các nhà tuyển dụng và xã hội đặc biệt quan tâm. KĐCL chính là công cụ hữu hiệu quyết định đến việc đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục. Trong các mô hình KĐCL giáo dục đại học trên thế giới thì mô hình KĐCL giáo dục đại học của Hoa Kỳ xuất hiện sớm nhất và đã được cải tiến theo thời gian cũng như khẳng định vai trò của mô hình này trong việc đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục đại học thời gian qua. Vì vậy, việc phân tích sự phát triển của mô hình kiểm định này giúp định hướng tốt hơn cho phát triển mô hình KĐCL giáo dục đại học tại Việt Nam.

Bài báo đã đề xuất 6 nhóm giải pháp nhằm xây dựng mô hình KĐCL giáo dục Việt Nam như hoàn thiện cơ chế chính sách, hình thành cơ quan kiểm định quốc gia và các tổ chức kiểm định độc lập, phát triển đội ngũ kiểm định viên, quy hoạch cá tổ chức kiểm định chuyên sâu đặc thù và bộ tiêu chuẩn kiểm định tương ứng.

Tài liệu tham khảo

- Hegji, A. (2020). *An Overview of Accreditation of Higher Education in the United States*. Congressional Research Service.
- Harland, G. B. (2001). *Creating the Council for Higher Education Accreditation (CHEA)*. American Council on Education, Oryx Press.
- Eaton, J. S. (2015). *An Overview of U.S. Accreditation*. Council Higher Education Accreditation (CHEA).
- Nguyen, C. H., Marshall, S. J., & Evers, C. W. (2021). Higher Education Quality Assurance and Accreditation Implementation in Several Countries across the World and Lessons Learned for Vietnam. *Vietnam Journal of Education*, 5(1), 11-17. <https://doi.org/10.52296/vje.2021.27>
- Pham, N. T. T. (2021). Excellence in Internal Quality Assurance: An Empirical Study in United States. *Vietnam Journal of Education*, 5(3), 54-62.
- Lê Huy Tùng (2020). Một số đề xuất cho lựa chọn mô hình kiểm định chất lượng giáo dục đại học tại Việt Nam. *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam*, 36, 1-5.
- Murray, F. (2000). The Role of Accreditation Reform in Teacher Education. *Educational Policy*, 14(1), 40-59.
- NCATE (2006). *Professional Standards for the Accreditation of Schools, Colleges, and Departments of Education*. [Online] Available: <https://eric.ed.gov/?id=ED550513>
- Di Nauta, P., Omar, P. L., Schade, A., & Scheele, J. P. (2004). *Accreditation models in higher education: Experiences and perspectives*. European Network for Quality Assurance in Higher Education.
- Satyanarayana, N., & Srivastava, R. (2009). *Accreditation: Panacea for Producing Better Professionals*. [Online] Available: <http://a-liep.kc.tsukuba.ac.jp/proceedings/Papers/a29.pdf>
- Sinha, V., & Subramanian, K. S. (2013). Accreditation in India: Path of Achieving Educational Excellence. *Business Education & Accreditation*, 5(2), 107-116.